

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-ST

Ngày 01 - 12 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 11 và 01 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 230/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Phước S, sinh năm 1983 (Đại diện hộ kinh doanh Lê Phước S), Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh S là anh Hồ Thanh H, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2023), (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hùng Văn T, sinh năm 1952.

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947.

2.3. Anh Hùng Minh T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T, bà H, anh T là anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2023), (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Phước S – trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền là anh Hồ Thanh H: Trong năm 2019 -2020 ông S có bán thức ăn chăn nuôi cá rô phi và cá điêu hồng theo yêu cầu của ông T, bà H và anh T, về hình thức trả tiền thức ăn chăn nuôi cá rô phi và cá điêu hồng là sau khi thu hoạch xong ao cá, trong thời gian mua bán gia đình ông T có trả tiền cho ông S một số, số tiền còn nợ thì vào ngày 05/3/2023, ông S và gia đình ông T chốt tiền mua bán thức ăn chăn nuôi cá rô phi và cá điêu hồng còn nợ tính đến ngày 16/4/2020 là 1.065.760.000 đồng, ông S yêu cầu gia đình ông T ký nhận nợ thì anh Hùng Minh T đại diện gia đình ký nhận nợ, nay ông S yêu cầu ông Hùng Văn T, bà Nguyễn Thị H, anh Hùng Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi cá còn nợ là 1.065.760.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất thì khi khởi kiện đến trước khi mở phiên tòa thì tính từ ngày 16/4/2020 đến ngày khởi kiện ngày 16/5/2023 là 37 tháng mỗi tháng 0,83% là 327.294.896đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án, nhưng nay tại phiên tòa anh H (người đại diện theo ủy quyền của anh S) thay đổi việc yêu cầu tính lãi là tính kể từ ngày 05/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/12/2023 là 07 tháng 24 ngày x 1.065.760.000 đồng x 0,83%/tháng = 68.997.200 đồng cộng với tiền gốc 1.065.760.000 đồng = 1.134.757.200 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Hùng Văn T, bà Nguyễn Thị H, anh Hùng Minh T là anh Nguyễn Phước H trình bày: Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H không có mua bán thức ăn chăn nuôi cá với ông Lê Phước S nên không có nợ, mà người mua bán thức ăn chăn nuôi cá với ông S là anh Hùng Minh T, thừa nhận đến ngày 16/4/2020 thì có kết sổ lại là anh Hùng Minh T còn nợ ông S 1.065.760.000 đồng (Văn bản ký nhận nợ vào ngày 05/3/2023), nhưng do đã hết thời hiệu khởi kiện, nên anh T (người đại diện là anh H) đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Nay tại phiên tòa anh H có ý kiến là rút lại không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, đồng thời vẫn thống nhất nợ như văn bản ký nhận nợ ngày 05/3/2023 và đồng ý một mình anh Hùng Minh T trả số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của anh S là 1.134.757.200 đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, sau khi nhận định, phân tích nội dung vụ án – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 BLTTDS năm 2015;.

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Phước S - đại diện Hộ kinh doanh Lê Phước S do anh Hồ Thanh H đại diện ủy quyền:

- Buộc anh Hùng Minh T có trách nhiệm trả cho anh Lê Phước S – đại diện Hộ kinh doanh Lê Phước S số tiền mua thức ăn còn nợ 1.065.760.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày 05/3/2023 đến ngày 01/12/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

- Không chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Phước S về việc yêu cầu ông Hùng Văn T và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới cùng anh Hùng Minh T trả nợ.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đều có cùng địa chỉ tại địa phận huyện Hồng Ngự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Theo nguyên đơn anh Lê Phước S khởi kiện cho rằng trong các năm 2019 - 2020 hộ kinh doanh anh S có bán thức ăn nuôi cá rô phi và cá điêu hồng (thức ăn thủy sản) theo yêu cầu của ông T, bà H và anh T, về hình thức trả tiền thì sau khi thu hoạch xong ao cá, gia đình ông T có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền đã mua thức ăn thủy sản, sau đó gia đình ông T có trả được một số, còn lại một số không trả, nên đến ngày 05/3/2023 hai bên mới ngồi lại kết sổ là số nợ gia đình ông T

còn nợ đến ngày 16/4/2020 là 1.065.760.000 đồng, khi này thì anh T đại diện gia đình ký nhận nợ, nay anh Sang yêu cầu ông Hùng Văn T, bà Nguyễn Thị H, anh Hùng Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 1.065.760.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/12/2023 là 07 tháng 24 ngày x 1.065.760.000 đồng x 0,83%/tháng = 68.997.200 đồng cộng với tiền gốc 1.065.760.000 đồng = 1.134.757.200 đồng; Còn các bị đơn ông Hùng Văn T, bà Nguyễn Thị H, anh Hùng Minh T (thông qua anh Nguyễn Phước H là người đại diện) cho rằng ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H không có mua bán thức ăn thủy sản với anh Lê Phước S nên không có nợ, mà người mua bán thức ăn thủy sản với anh S là anh Hùng Minh T và thừa nhận vào ngày 05/3/2023 thì có kết sổ lại là anh Hùng Minh T còn nợ anh S và đồng ý trả theo yêu cầu của anh S vừa tiền nợ gốc và tiền lãi là 1.134.757.200 đồng.

Hội đồng xét xử, nhận xét:

1. Trước khi mở phiên tòa thì anh Nguyễn Phước H là người đại diện phía bị đơn cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện và đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án, nhưng tại phiên tòa anh H rút lại ý kiến này, không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện nữa. Xét thấy: Việc rút lại ý kiến, không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện là sự tự nguyện, phù hợp với pháp luật của phía bị đơn (người đại diện theo ủy quyền là anh H), nên không xem xét giải quyết, đồng thời thấy rằng việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với pháp luật.

2. Về việc nguyên đơn anh Lê Phước S khởi kiện phía bị đơn yêu cầu trả số tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là có cơ sở, vì đã được anh Hùng Minh T ký tên xác nhận nợ tại Hóa đơn (Đại lý Cẩm D) ngày 05/3/2023 (anh T thừa nhận). Tuy nhiên tại đơn khởi kiện của anh Lê Phước S yêu cầu cả ông Hùng Văn T, bà Nguyễn Thị H (là cha mẹ) cùng anh Hùng Văn T (là con) liên đới trả số nợ trên, nhưng tại Hóa đơn xác nhận nợ ngày 05/3/2023 nêu trên thì chỉ có một mình anh Hùng Minh T ký nhận (anh S thừa nhận) và qua quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Hồ Thanh H (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) xác định là không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc yêu cầu ông Hùng Văn T, bà Nguyễn Thị H cùng liên đới với anh Hùng Văn T trả nợ. Từ đó xét thấy phía nguyên đơn anh S không cung cấp được chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên không có cơ sở chấp nhận việc buộc ông Hùng Minh T, bà Nguyễn Thị H cùng có nghĩa vụ liên đới số trả nợ cho anh S, mà chỉ buộc một mình anh Hùng Minh T có nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu cho anh Lê Phước S như yêu cầu của anh S là phù hợp; Đối với việc anh H (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) tại phiên tòa thay đổi thời gian tính lãi suất và mức lãi suất chậm trả. Xét thấy yêu cầu áp dụng mức lãi suất

chậm trả 0,83%/tháng và thay đổi thời gian tính lãi của phía nguyên đơn là phù hợp với pháp luật và không vượt yêu cầu khởi kiện, có lợi cho phía bị đơn, nên chấp nhận, cụ thể: Tiền gốc còn nợ là 1.065.760.000 đồng, và tiền lãi tính kể từ ngày 05/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/12/2023 là 07 tháng 24 ngày $\times 1.065.760.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng = 68.997.200 \text{ đồng}$ cộng với tiền gốc 1.065.760.000 đồng = 1.134.757.200 đồng

[3]. Từ nhận định trên thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong vụ án này yêu cầu của nguyên đơn anh S được chấp nhận, nên bị đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên giá trị tiền phải trả cho anh S. Anh S không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 430, 431, 440, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Phước S – Đại diện hộ kinh doanh Lê Phước S, về việc yêu cầu bị đơn anh Hùng Minh T trả nợ tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu.

2. Buộc bị đơn anh Hùng Minh T có nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu tổng cộng tiền gốc và tiền lãi đến ngày 01/12/2023 là: 1.134.757.200 đồng cho nguyên đơn anh Lê Phước S – Đại diện hộ kinh doanh Lê Phước S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Ông Hùng Minh T, bà Nguyễn Thị H không phải liên đới cùng anh Hùng Minh T trả nợ cho anh Lê Phước S – Đại diện hộ kinh doanh Lê Phước S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh Hùng Minh T, phải nộp 46.042.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Lê Phước S – Đại diện hộ kinh doanh Lê Phước S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Lê Phước S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 26.900.000 đồng, tại biên lai thu kí hiệu: 14BE-21, số: 0004392 ngày 01/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/12/2023).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách